

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình về  
cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản sau ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trịnh Hữu Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Hồ Thị Mai Hương**

Ông **Phạm Phước Tâm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 29/4/2020 và 06/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản sau ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 150/TB-TA ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Phan Thị Ngọc D**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 30, tổ 1, ấp Tân H, xã Tân Thuận T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị D là bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 33-35, đường Lê V, tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2019).

Bị đơn: **Bùi Thanh Chí H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 3, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

**Bùi Văn D**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 3, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Xuyến có mặt, anh H và ông D vắng mặt)

**NỘI D1 VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D ủy quyền cho bà Ngô Thị Kim X trình bày: Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao L đã công nhận thuận tình ly hôn cho chị D và anh Bùi Thanh Chí H.

- Về con chung: Theo quyết định thì chị D được nuôi con Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1, sinh ngày 02/7/2009, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị D là người trực tiếp nuôi con chung, do các con chung ngày càng lớn cần sự chung sức đóng góp để nuôi con chung. Nay chị D yêu cầu anh Bùi Thanh Chí H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1, sinh ngày 02/7/2009, mức cấp dưỡng là 1/2 mức lương cơ sở/1 tháng cho một cháu, cấp dưỡng 02 con chung đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà xây dựng năm 2014, chiều ngang 04m, dài 15m, có kết cấu nền gạch tàu, khung nhà bằng gỗ, vách tol, mái tole, căn nhà xây dựng trên đất của ông Bùi Văn D (cha của anh H); 01 tủ lạnh hiệu SHARP; 01 tủ gỗ để tivi; 01 chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx, do anh H đứng tên; 01 giường sắt ngang 1,6m, dài 2m; 01 chiếc xe Wave - biển số 66-L7 7xxx do anh H đứng tên có giá 6.000.000 đồng; 01 chiếc xe Wave - biển số 66H5-7xxx hiệu MIKADO mua của ông Võ Ngọc L giá 3.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên và do chị D quản lý sử dụng. Tổng cộng tài sản chung của vợ chồng là 105.500.000 đồng, yêu cầu Tòa án chia hai mỗi người được nhận 52.750.000 đồng; chiếc xe Wave giá 3.000.000 đồng chị D đang quản lý nên khấu trừ vào tài sản được chia, như vậy anh H có trách nhiệm giao lại cho chị D số tiền 49.750.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, cụ thể như sau: Đối với 01 căn nhà xây dựng năm 2014, chiều ngang 04m, dài 15m, có kết cấu nền gạch tàu, khung nhà bằng gỗ, vách tol, mái tole, căn nhà xây dựng trên đất của ông Bùi Văn D (cha của anh H); 01 tủ lạnh hiệu SHARP; 01 tủ gỗ để tivi; 01 giường sắt ngang 1,6m, dài 2m; 01 chiếc xe Wave - biển số 66-L7 7xxx do anh H đứng tên có giá 6.000.000 đồng; 01 chiếc xe Wave - biển số 66H5-7xxx hiệu MIKADO mua của ông Võ Ngọc L, chưa làm thủ tục sang tên và do chị D quản lý sử dụng, các tài sản này chị D và anh H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn đối với 01 chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx mua trả góp vào tháng 02/2018, giá 46.900.000 đồng, thời điểm mua chiếc xe thì chị D và anh H còn sống chung và đã trả trước được 10.000.000 đồng, sau khi mua chiếc xe thì chị D và anh H còn sống chung đến tháng 6/2018 (chị D về nhà cha mẹ ruột sinh sống). Từ tháng 03/2018 đến tháng 6/2018 lúc 02 vợ chồng còn sống chung và trả thêm được 12.672.000 đồng; còn từ tháng 7/2018 cho đến khi trả xong thì do một mình anh H trả. Tài sản chung của vợ chồng là 22.672.000đ, chị D yêu cầu anh H giao lại cho chị D 10.000.000đ; chị D thống nhất giá trị của chiếc xe hiện nay còn lại 40.000.000 đồng, không yêu cầu định giá chiếc xe và cũng không tranh chấp về chiếc xe. Nay chị D yêu cầu được nhận giá trị chiếc xe 10.000.000 đồng, đồng ý

giao chiếc xe Air Blade số 66-5xxxx cho anh H tiếp tục quản lý sử dụng. Ngoài ra, chị D không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 29/4/2020, bị đơn *Bùi Thanh Chí H* trình bày: Anh thống nhất với nội D1 trình bày của người đại diện ủy quyền của chị D về thời gian chung sống, ly hôn và nuôi con. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao L thì chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1, sinh ngày 02/7/2009, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nay chị D yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1, sinh ngày 02/7/2009, mức cấp dưỡng là 1/2 mức lương cơ sở/1 tháng cho một cháu, cấp dưỡng 02 con chung đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị D.

- Về tài sản chung: Anh thống nhất với nội D1 trình bày của chị D về tài sản chung của 02 vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nay anh cũng thống nhất các tài sản này sẽ do anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm 01 căn nhà xây dựng năm 2014, chiều ngang 04m, dài 15m, có kết cấu nền gạch tàu, khung nhà bằng gỗ, vách tol, mái tole, căn nhà xây dựng trên đất của ông Bùi Văn D (cha của anh H); 01 tủ lạnh hiệu SHARP; 01 tủ gỗ để tivi; 01 giường sắt ngang 1,6m, dài 2m; 01 chiếc xe Wave - biển số 66-L7 7xxx do anh H đứng tên có giá 6.000.000 đồng; 01 chiếc xe Wave - biển số 66H5-7xxx hiệu MIKADO mua của ông Võ Ngọc L, chưa làm thủ tục sang tên và do chị D đang quản lý sử dụng.

Còn đối với chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx do anh đứng tên và quản lý sử dụng. Anh thừa nhận chiếc xe này anh và chị D mua trả góp vào tháng 02/2018, lúc đó anh và chị D đang còn sống chung, có trả trước được 10.000.000 đồng (02 vợ chồng cùng đi mua xe, còn tiền thì do anh đứng ra trả); sau khi mua, chiếc xe này do 02 vợ chồng cùng quản lý sử dụng, từ tháng 03/2018 đến tháng 06/2018 anh và chị D vẫn còn sống chung, chưa ly hôn; trong khoảng thời gian này anh đã trả góp thêm được số tiền 12.672.000 đồng nhưng đây là tiền riêng của anh, không phải tiền của 02 vợ chồng. Anh và chị D không còn sống chung với nhau là từ tháng 07/2018. Nay chị D yêu cầu nhận được giá trị chiếc xe 10.000.000 đồng, anh không đồng ý. Anh thống nhất giá trị chiếc xe hiện tại là 40.000.000 đồng, không yêu cầu định giá chiếc xe và cũng không tranh chấp về chiếc xe. Ngoài ra, anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan *Bùi Văn Dũng* trình bày: Anh H là con ruột, còn chị D là con dâu ông. Nay chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung thì ông không có ý kiến gì hay yêu cầu gì, ông cũng không trình bày gì thêm.

**\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Trích lục khai sinh Bùi Thị Ngọc L và Bùi Thị Ngọc D1 (bản sao).

+ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2019 (bản photo).

- Tài liệu, chứng cứ do phía bị đơn cung cấp:

+ Biên nhận thu hộ ngày 03/03/2018 (bản photo);

+ Biên nhận thu hộ ngày 07/04/2018 (bản photo);

+ Biên nhận thu hộ ngày 08/05/2018 (bản photo);

+ Biên nhận thu hộ ngày 06/06/2018 (bản photo);

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc D về việc yêu cầu anh Bùi Thanh Chí H cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa chị D và anh H xác định chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx mua vào tháng 02/2018 chỉ liên quan đến anh - chị, không liên quan đến ai khác.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc D về việc yêu cầu anh Bùi Thanh Chí H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1, sinh ngày 02/7/2009, mức cấp dưỡng là 1/2 mức lương cơ sở/1 tháng cho một cháu, cấp dưỡng 02 con chung đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản chung của vợ chồng là 52.750.000 đồng, khấu trừ chiếc xe Wave biển số 66H5-7xxx giá 3.000.000 đồng chị D đang quản lý, còn lại 49.750.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, cụ thể như sau: Đối với 01 căn nhà xây dựng năm 2014, chiều ngang 04m, dài 15m, có kết cấu nền gạch tàu, khung nhà bằng gỗ, vách tol, mái tole, căn nhà xây dựng trên đất của ông Bùi Văn D (cha của anh H); 01 tủ lạnh hiệu SHARP; 01 tủ gỗ để tivi; 01 giường sắt ngang 1,6m, dài 2m; 01 chiếc xe Wave - biển số 66-L7 7xxx do anh H đứng tên có giá 6.000.000 đồng; 01 chiếc xe Wave - biển số 66H5-7xxx hiệu MIKADO mua của ông Võ Ngọc L, chưa làm thủ tục sang tên và do chị D quản lý sử dụng, các tài sản này chị D và anh H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Chị D chỉ yêu cầu được nhận 10.000.000 đồng giá trị chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx mà 02 vợ chồng mua trả góp vào tháng 02/2018. Đồng thời, anh H cũng đồng ý với sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị D, các tài sản trên sẽ do anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con, xét thấy: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/01/2019 thì chị D được nuôi con Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1, sinh ngày 02/7/2009, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị D là người trực tiếp nuôi 02 con chung, do các con chung ngày càng lớn cần sự chung sức đóng góp để nuôi con chung. Nay chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1, sinh ngày 02/7/2009, mức cấp dưỡng là 1/2 mức lương cơ sở/1 tháng cho một cháu, cấp dưỡng 02 con chung đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình”. Do đó, việc chị D yêu cầu anh H có nghĩa cấp dưỡng nuôi 02 con chung là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu được nhận giá trị 10.000.000 đồng, xét thấy: Chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx mua trả góp vào tháng 02/2018, với giá 46.900.000 đồng, nay chị D yêu cầu được nhận giá trị 10.000.000 đồng (số tiền trả góp lúc mua xe đến khi vợ chồng không còn sống chung, trả được 22.672.000 đồng) là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, anh H và người đại diện theo ủy quyền của chị D đều thống nhất chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx mua trả góp vào tháng 02/2018, giá trị chiếc xe hiện tại còn lại là 40.000.000 đồng, không yêu cầu định giá chiếc xe, không tranh chấp về chiếc xe; từ lúc mua xe đến khi vợ chồng không còn sống chung thì vợ chồng trả góp được số tiền 22.672.000 đồng, chị D yêu cầu được nhận 10.000.000 đồng của số tiền này.

Tại phiên tòa, anh H thừa nhận lúc mua chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx là vợ chồng cùng nhau đi mua, cùng nhau thanh toán, nhưng hóa đơn thì ghi một mình tên anh. Sau khi mua xe thì anh và chị D cùng nhau sử dụng chiếc xe và sống chung với nhau đến tháng 6/2018 (chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/2018). Từ tháng 03/2018 đến tháng 6/2018 lúc vợ chồng còn sống chung có trả góp thêm được 12.672.000 đồng, hóa đơn ghi một mình tên anh (10.000.000 đồng + 12.672.000 đồng = 22.672.000 đồng); còn từ tháng 7/2018 cho đến khi trả xong thì do một mình anh trả. Như vậy, số tiền (tài sản chung) mà anh H và chị D trả góp cho chiếc xe này là 22.672.000đ, chị D yêu cầu anh H giao lại cho chị D 10.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận. Anh H được quyền sở hữu chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx do anh đứng tên.

Còn việc anh H cho rằng số tiền 10.000.000 đồng trả trước và số tiền 12.672.000 đồng (22.672.000đ) trả góp từ tháng 3/2018 đến tháng 6/2018 là tiền riêng của anh, không phải (tài sản chung) là tiền của vợ chồng nên anh không đồng ý chia, nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh. Đồng thời, anh cũng thừa nhận từ tháng 3/2018 đến tháng 6/2018 anh và chị D còn sống chung, chưa ly hôn; từ tháng 7/2018 chị D mới bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh H.

Đối với ông Bùi Văn D, trong vụ án này ông cũng không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu ông có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị D và anh H xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì chị D và anh H không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc D phải chịu 500.000 đồng tiền chia tài sản chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009488 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị D còn được nhận lại số tiền 940.000 đồng.

+ Anh Bùi Thanh Chí H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 500.000 đồng tiền chia tài sản chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí - lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc D.

- Về cấp dưỡng: Anh Bùi Thanh Chí H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Bùi Thị Ngọc L - sinh ngày 10/7/2008 và Bùi Thị Ngọc D1 - sinh ngày 02/7/2009, hàng tháng mỗi con chung bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Thanh Chí H phải có nghĩa vụ giao lại cho chị Phan Thị Ngọc D số tiền 10.000.000 đồng.

- Anh Bùi Thanh Chí H được quyền sở hữu chiếc xe Air Blade biển số 66-5xxxx do anh H đứng tên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc D phải chịu 500.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009488 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị D còn được nhận lại số tiền 940.000 đồng.

+ Anh Bùi Thanh Chí H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 500.000 đồng tiền chia tài sản chung.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Cao L;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trịnh Hữu Chinh**